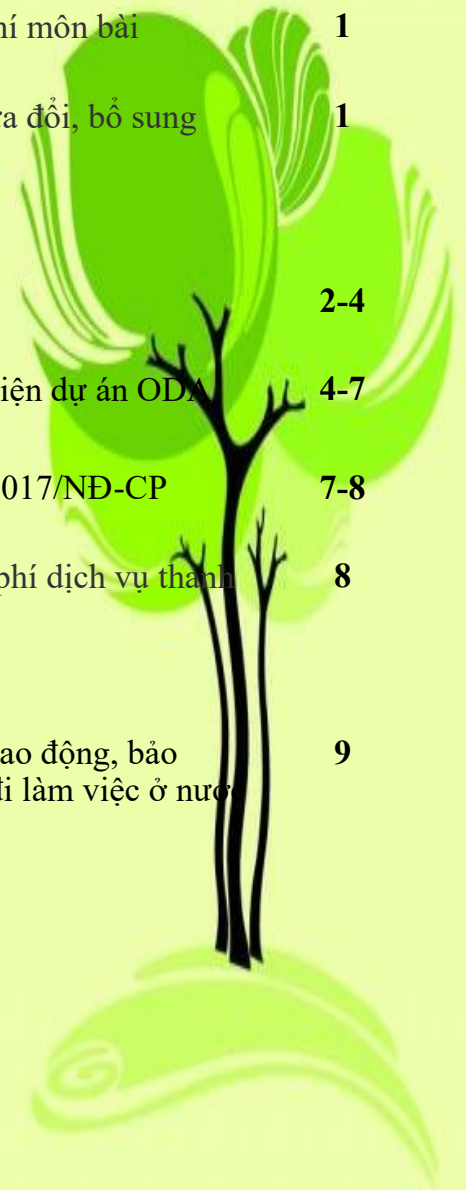


BẢN TIN VĂN BẢN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG	Trang
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Nghị định 22/2020/NĐ-CP	Sửa đổi Nghị định 139/2016/NĐ-CP về lệ phí môn bài	1
Quyết định 384/QĐ-BTC	Thủ tục hành chính lĩnh vực kế toán được sửa đổi, bổ sung	1
THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ		
Công văn số 6662/CT-TTHT	Ấn định giá bán xe ô tô	2-4
Công văn số 10268/CT-TTHT	Miễn thuế của chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA	4-7
Công văn số 10267/CT-TTHT	Chi phí lãi vay được trừ theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP	7-8
Thông tư 04/2020/TT-NHNN	Sửa đổi Thông tư 26/2013/TT-NHNN Biểu phí dịch vụ thanh toán	8
LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG		
Nghị định 28/2020/NĐ-CP	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	9



CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 24/02/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 22/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

Theo đó, từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thêm 03 nhóm đối tượng được miễn lệ phí môn bài, cụ thể:

Trước hết, miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12) đối với: Tổ chức thành lập mới (được cấp mã số thuế mới, mã số doanh nghiệp mới); Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong thời gian miễn lệ phí môn bài, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời gian tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân được miễn lệ phí môn bài.

Tiếp theo, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh (theo Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa) được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Cuối cùng, cơ sở giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập cũng được bổ sung vào nhóm đối tượng được miễn lệ phí môn bài theo quy định

mới.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 25/02/2020.

Ngày 23/3/2020, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 384/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính.

Theo đó, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung các thủ tục: Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài thuộc lĩnh vực kế toán; Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng thuộc lĩnh vực kiểm toán.

Trong đó, lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài là 4.000.000 đồng. Doanh nghiệp có nhu cầu sẽ nộp trực tiếp hồ sơ đến Bộ Tài chính hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu chứng minh doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ kế toán theo quy định; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán của các kế toán viên hành nghề (bao gồm cả người đại diện của doanh nghiệp). Thời hạn giải quyết thủ tục là 15 ngày.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

Ngày 20/02/2020 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 6662/CT-TTHT, Trả lời công văn số 194/CCT-KTrT2 đề ngày 15/01/2020 của Chi cục Thuế huyện Gia Lâm về việc xác định giá thị trường để áp giá xe ô tô theo Thông tư số 71/2010/TT-BTC đối với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Long Biên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

- Căn cứ Thông tư 71/2010/TT-BTC ngày 07/5/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn ấn định thuế đối với cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy ghi giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá giao dịch thông thường trên thị trường:

+ Tại Điều 1 quy định về đối tượng áp dụng

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy ghi giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy bị ấn định giá bán ra theo giá giao dịch thông thường trên thị trường và ấn định số thuế phải nộp.”

+ Tại Khoản 2 Điều 2 giải thích về giá giao dịch trên thị trường

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

...2. Giá giao dịch thông thường trên thị trường là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

Đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được sản xuất lắp ráp trong nước: giá bán do nhà sản xuất công bố được xác định là giá giao dịch thông thường trên thị trường.”

+ Tại Điều 3 quy định các trường hợp không áp dụng

“Điều 3. Các trường hợp không áp dụng

1. Trường hợp cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy thực hiện niêm yết giá bán phù hợp với giá giao dịch thông thường trên thị trường và bán đúng giá giao dịch thông thường trên thị trường hoặc thấp hơn 5% thì được tính thuế theo giá niêm yết (giá niêm yết phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết theo từng thời điểm). Các trường hợp có niêm yết giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhưng bán không đúng quy định trên thì bị ấn định giá bán ra theo giá giao dịch thông thường trên thị trường và ấn định số thuế phải nộp.

2. Trường hợp các cơ sở sản xuất lắp ráp xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trong nước bán sản phẩm của mình theo giá thống nhất trong cả nước hoặc từng khu vực, từng địa phương thì thuế GTGT, thuế TNDN tính theo giá do cơ sở sản xuất, lắp ráp công bố tại từng thời điểm. Giá bán thống nhất do cơ sở sản xuất quy định phải công bố công khai và gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý biết. Trường

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

hợp cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy ghi hóa đơn thấp hơn giá đã công bố và thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thì cơ sở kinh doanh bị ấn định thuế theo giá đã thông báo.”

+ Tại Khoản 1 Điều 4 quy định nguyên tắc xác định giá giao dịch thông thường trên thị trường

“Điều 4. Xác định giá giao dịch thông thường trên thị trường làm căn cứ ấn định giá, ấn định thuế phải nộp

1. Nguyên tắc xác định giá giao dịch thông thường trên thị trường

Giá giao dịch thông thường trên thị trường được xác định căn cứ cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế thu thập từ: giá bán do cơ sở kinh doanh kê khai với cơ quan thuế; thông tin về giá từ các cơ quan quản lý nhà nước khác (cơ quan hải quan, Trung tâm thẩm định giá thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố, Sở Công thương); Hiệp hội ô tô Việt Nam (VAMA); giá mua, giá bán xe ô tô, xe hai bánh gắn máy cùng chủng loại của cơ sở kinh doanh tại cùng địa phương hoặc ở địa phương khác; thông tin thu thập từ người tiêu dùng; giá xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, tạp chí, bản tin thị trường, website.

2. Giá giao dịch thông thường trên thị trường làm căn cứ ấn định giá, ấn định thuế phải nộp

Giá giao dịch thông thường trên thị trường

được xác định trên cơ sở Bảng giá tối thiểu xe ô tô, xe hai bánh gắn máy tính thuế trước bạ do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành Bảng giá tối thiểu xe ô tô, xe hai bánh gắn máy tính thuế trước bạ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với mặt hàng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy và áp dụng để ấn định giá bán ra, ấn định số thuế phải nộp đối với các cơ sở kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy thuộc đối tượng nêu tại Điều 1 Thông tư này.”

Căn cứ các quy định trên,

Đối với xe ô tô nhập khẩu thì giá giao dịch thông thường trên thị trường được xác định theo nguyên tắc tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

Trường hợp Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Long Biên (là cơ sở kinh doanh xe ô tô) ghi giá bán xe ô tô trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá giao dịch thông thường trên thị trường thì Công ty bị ấn định giá bán ra theo giá giao dịch thông thường trên thị trường và ấn định số thuế phải nộp theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

Trường hợp Công ty thực hiện niêm yết giá bán phù hợp với giá giao dịch thông thường trên thị trường (giá niêm yết phải thông báo

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết theo từng thời điểm) và bán đúng giá giao dịch thông thường trên thị trường hoặc thấp hơn 5% thì Công ty được tính thuế theo giá niêm yết và không thuộc trường hợp ấn định giá theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

Ngày 09/03/2020 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 10268/CT-TTHT, trả lời công văn số 03/2020/CV-CTBK ngày 18/2/2020 của Công ty TNHH MTV Tư vấn Chuyên giao Công nghệ Bách Khoa (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ):

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng và phạm vi áp dụng

“1. Quy chế này áp dụng cho đối tượng là chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam và thành viên gia đình của họ.

Quy chế này áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)...”

+ Tại Khoản 5 Điều 3 quy định về chuyên gia nước ngoài

“5. “Chuyên gia nước ngoài” (sau đây gọi tắt

là chuyên gia) là người không có quốc tịch Việt Nam vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án ODA theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài...”

+ Tại Khoản 2 Điều 7 quy định về miễn thuế thu nhập

“Trong thời gian công tác tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA”



- Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 28/05/2010 giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy chế chuyên gia của nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng chính phủ:

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

+ Tại Điều 3 hướng dẫn hồ sơ xác nhận chuyên gia như sau:

“Điều 3. Xác nhận chuyên gia

1. Hồ sơ xác nhận chuyên gia:

Căn cứ vào phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 và đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Thông tư này, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng chuyên gia có hiệu lực, Chủ dự án gửi Cơ quan chủ quản công văn đề nghị xác nhận chuyên gia kèm theo Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

- Bản cam kết không mang quốc tịch Việt Nam của chuyên gia.

- Bản sao hộ chiếu (có chứng thực) của chuyên gia và các thành viên trong gia đình chuyên gia, trong đó có trang thị thực nhập cảnh Việt Nam (nếu có) và trang đóng dấu xuất nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

- Bản gốc hoặc bản sao (có chứng thực) các tài liệu sau: (i) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu dịch vụ tư vấn (cá nhân hoặc nhóm chuyên gia); (ii) Tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm phần danh sách tư vấn).

- Văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong trường hợp có sự thay đổi và bổ sung so với danh sách chuyên gia, tư vấn trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bản sao hợp đồng tư vấn của chuyên gia (cá nhân hoặc Nhóm chuyên gia) ký với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài.

2. Thủ tục xác nhận chuyên gia:

a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ Hồ sơ hợp lệ của Chủ dự án, Cơ quan chủ quản xác nhận chuyên gia theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này (có đóng dấu giáp lai) và gửi 08 bản gốc cho Chủ dự án.

b) Trong thời gian chưa có xác nhận Chuyên gia thì tùy từng trường hợp Chuyên gia ký hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ dự án hoặc nhà thầu (công ty) có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình về các Chuyên gia thuộc đối tượng miễn thuế Thu nhập cá nhân khi có phát sinh nghĩa vụ thuế.

3. Trong thời hạn 30 ngày trước khi chuyên gia kết thúc thời gian làm việc tại Việt Nam, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Cơ quan chủ quản, Cơ quan thuế địa phương, Cục Hải quan, Cơ quan Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính của Chủ dự án.”

+ Tại Điều 4 hướng dẫn thủ tục, hồ sơ miễn thuế Thu nhập cá nhân và thời hạn giải quyết của cơ quan thuế:

“Điều 4. Thủ tục, hồ sơ miễn thuế Thu nhập cá nhân và thời hạn giải quyết của cơ quan thuế:

1. Tùy từng trường hợp Chuyên gia ký hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

dự án hoặc nhà thầu (công ty) gửi hồ sơ đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia đến cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình. Hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị của Chủ dự án hoặc của nhà thầu (công ty) đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia.

- Xác nhận của Cơ quan chủ quản về việc Chuyên gia đáp ứng đủ điều kiện về ưu đãi và miễn trừ theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này.

- Các tài liệu liên quan đến thu nhập được miễn thuế của Chuyên gia (hợp đồng, chứng từ chi trả thu nhập,...).

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm 1 nêu trên, Cơ quan thuế cấp Xác nhận miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 46 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn như sau:

“Điều 46. Trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế

Cơ quan thuế trực tiếp kiểm tra hồ sơ ra quyết định miễn thuế, giảm thuế đối với các trường hợp sau đây:

1. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

a) Nguyên tắc miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

...

- Đối với cá nhân thuộc đối tượng được miễn thuế, giảm thuế thu nhập cá nhân theo quy định về chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam; chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài làm việc tại văn phòng của tổ chức phi chính phủ; cá nhân làm việc tại khu kinh tế thực hiện thủ tục miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

...”



Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành không quy định về mức phạt, thủ tục phạt đối với trường hợp chậm nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế TNCN cho chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA.

Trong thời gian chưa có xác nhận Chuyên gia thì

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

tùy từng trường hợp Chuyên gia ký hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ dự án hoặc nhà thầu (công ty) có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình về các Chuyên gia thuộc đối tượng miễn thuế Thu nhập cá nhân khi có phát sinh nghĩa vụ thuế.

Đề nghị Chi cục Thuế quận Hai Bà Trưng rà soát việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty để hướng dẫn Công ty thực hiện theo đúng quy định.

Trường hợp Công ty nộp đủ hồ sơ đề nghị miễn thuế TNCN đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án cho chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC thì Chi cục Thuế cấp Xác nhận miễn thuế TNCN cho Chuyên gia nước ngoài theo quy định.

Ngày 09/03/2020 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 10267/CT-TTHT, Trả lời công văn số OSPV-CV-240220 ngày 24/2/2020 của Công ty TNHH OS Power Việt Nam hỏi về chi phí lãi vay được trừ theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết quy định xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể

đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù

“...3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

Quy định này không áp dụng với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.

Người nộp thuế kê khai tỷ lệ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

- Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ hướng dẫn kê khai mẫu số 01 Thông tin quan hệ liên kết và giao dịch liên kết

“- Chỉ tiêu “Chi phí lãi tiền vay”: Ghi giá trị chi phí lãi vay tính vào chi phí tài chính trong kỳ...”

+ Cột (6): Ghi tổng giá trị theo xác định tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, theo LPA đối với giao dịch phát sinh với các bên liên kết và giá trị ghi tại sổ kế toán đối với giao dịch phát sinh với các bên độc lập.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH OS Power Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) có phát sinh giao dịch liên kết thì Công ty xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP. Trong đó chi phí lãi vay được xác định theo nguyên tắc nêu trên là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của Công ty (không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ các bên liên kết hay từ các bên độc lập).

Trường hợp tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của Công ty nhỏ hơn 0 thì toàn bộ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế của Công ty không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Hiện nay, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đang trong quá trình tiếp nhận, tổng hợp vướng mắc, kiến nghị phát sinh trong việc thực hiện Nghị định số 20/2017/NĐ-CP nói chung và quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP nói riêng để báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP. Trường hợp có hướng dẫn khác với nội dung hướng dẫn trên, Cục Thuế TP Hà Nội sẽ hướng dẫn Công ty thực hiện.

Ngày 31/03/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 04/2020/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước bổ sung quy

định về việc giảm mức phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Cụ thể, giảm 50% mức phí thanh toán tại điểm 1.1, 1.2 Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước” Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 26/2013/TT-NHNN trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Kho bạc Nhà nước, các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/4/2020



CÁC VĂN BẢN VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Ngày 01/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo đó, người sử dụng lao động có trả lương cho người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ sẽ bị phạt từ 20-30 triệu đồng nếu vi phạm với 01-10 người lao động; 30-50 triệu đồng nếu vi phạm từ 11-50 người; 50-75 triệu đồng nếu vi phạm từ 51 người trở lên. Ngoài ra, hành vi không công bố công khai bảng lương, thang lương, thay đổi hình thức trả lương mà không báo trước cho người lao động 10 ngày... của người sử dụng lao động cũng sẽ bị phạt từ 02-05 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định người sử dụng lao động sẽ bị phạt từ 01-03 triệu đồng nếu tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng nhưng không báo trước 03 ngày làm việc hoặc không thông báo thời hạn, công việc bố trí không phù hợp với sức khỏe, giới tính của họ. Ngoài ra, việc chuyển người lao động làm công việc khác mà không đúng lý do, thời hạn hoặc không có văn bản đồng ý của người lao động cũng sẽ bị phạt tiền từ 03-07 triệu đồng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/4/2020.



Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0919 858 626
Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0943 388 828
Email:
phamvanbien2807@gmail.com

Ông: Lê Đức Minh
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0915 025 044
Email: leducminhkh@gmail.com

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0931 236 226
Email: hungnm.asa@gmail.com

VĂN PHÒNG:
Tầng tòa 262 Nguyễn Huy Tường,
Thanh Xuân, Hà Nội
Phone: 024 3858 1122
Fax: 024 3858 5533
Email: kiemtoanasa@gmail.com
Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.